

Hà Nội, ngày 17 tháng 01 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy định về mở ngành, xây dựng, rà soát, chỉnh sửa, thẩm định và ban hành chuẩn đầu ra, chương trình đào tạo tại Học viện Ngoại giao

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN NGOẠI GIAO

Căn cứ Quyết định số 07/2019/QĐ-TTg ngày 15/02/2019 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Học viện Ngoại giao trực thuộc Bộ Ngoại giao;

Căn cứ Luật giáo dục đại học năm 2012 số 08/2012/QH13 ban hành ngày 18/6/2012 và Luật giáo dục đại học sửa đổi năm 2018 số 34/2018/QH14 ban hành ngày 19/11/2018;

Căn cứ Điều lệ trường Đại học được ban hành kèm theo quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10/12/2014 của Thủ tướng chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Xét đề nghị của Trưởng Phòng Khảo thí & Đảm bảo chất lượng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy định về mở ngành, xây dựng, rà soát, chỉnh sửa, thẩm định và ban hành chuẩn đầu ra, chương trình đào tạo tại Học viện Ngoại giao”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các ông/bà Trưởng Phòng Khảo thí & Đảm bảo Chất lượng, Trưởng các Khoa và giảng viên Học viện Ngoại giao có trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Ban giám đốc (để b/c)
- Như Điều 3 (để thực hiện);
- Lưu: HCTH, BĐT.



Q. GIÁM ĐỐC

Phạm Lan Dung

QUY ĐỊNH
VỀ MỞ NGÀNH, XÂY DỰNG, RÀ SOÁT, CHỈNH SỬA, THẨM ĐỊNH VÀ
BAN HÀNH CHUẨN ĐẦU RA VÀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
TẠI HỌC VIỆN NGOẠI GIAO

(Ban hành kèm theo Quyết định số 61 /QĐ-HVNG ngày 17 tháng 1 năm 2023
của Giám đốc Học viện Ngoại giao)

CHƯƠNG I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Văn bản này quy định việc xây dựng đề án mở ngành; xây dựng, rà soát, chỉnh sửa, thẩm định và ban hành chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo của Học viện Ngoại giao (sau đây gọi tắt là Học viện) bao gồm: xây dựng đề án mở ngành mới; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo mới và rà soát, chỉnh sửa, thẩm định và ban hành chuẩn đầu ra và các chương trình đào tạo điều chỉnh của Học viện Ngoại giao.

2. Quy định này được áp dụng tại Học viện Ngoại giao.

Điều 2. Giải thích từ ngữ:

Trong Quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Chương trình đào tạo* là một hệ thống các hoạt động giáo dục, đào tạo được thiết kế và tổ chức thực hiện nhằm đạt được các mục tiêu đào tạo, hướng tới cấp một văn bằng giáo dục đại học cho người học. Chương trình đào tạo bao gồm mục tiêu, khối lượng kiến thức, cấu trúc, nội dung, phương pháp và hình thức đánh giá đối với môn học, ngành học, trình độ đào tạo, chuẩn đầu ra phù hợp với Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

2. *Chuẩn chương trình đào tạo của một trình độ giáo dục đại học* là những yêu cầu chung, tối thiểu đối với tất cả chương trình đào tạo của các ngành (các nhóm ngành, lĩnh vực) ở trình độ đó; bao gồm yêu cầu về mục tiêu, chuẩn đầu ra (hay yêu cầu đầu ra), chuẩn đầu vào (hay yêu cầu đầu vào), khối lượng học tập tối thiểu, cấu trúc và nội dung, phương pháp giảng dạy và đánh giá kết quả học tập, các điều kiện thực hiện chương trình để bảo đảm chất lượng đào tạo.

3. *Chuẩn chương trình đào tạo của một ngành* (hoặc của một nhóm ngành, một lĩnh vực) ở một trình độ là những yêu cầu chung, tối thiểu đối với tất cả chương trình đào tạo của ngành đó (hoặc nhóm ngành, lĩnh vực đó), phù hợp với chuẩn chương trình đào tạo trình độ tương ứng.

4. *Chuẩn đầu ra* là yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực của người học sau khi hoàn thành một chương trình đào tạo, gồm cả yêu cầu tối thiểu về kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm của người học khi tốt nghiệp.

5. *Chuẩn đầu vào* (hay yêu cầu đầu vào) của một chương trình đào tạo là những yêu cầu tối thiểu về trình độ, năng lực, kinh nghiệm mà người học cần có để theo học chương trình đào tạo.

6. *Lĩnh vực đào tạo* là tập hợp một số nhóm ngành đào tạo có những đặc điểm chung về chuyên môn hoặc nghề nghiệp, tương ứng với Danh mục giáo dục, đào tạo cấp II thuộc Danh mục giáo dục, đào tạo của hệ thống giáo dục quốc dân.

7. *Nhóm ngành đào tạo* là tập hợp một số ngành đào tạo có những đặc điểm chung về chuyên môn, tương ứng với Danh mục giáo dục, đào tạo cấp III thuộc Danh mục giáo dục, đào tạo của hệ thống giáo dục quốc dân.

8. *Môn học, học phần* (sau đây gọi chung là học phần) là một tập hợp hoạt động giảng dạy và học tập được thiết kế nhằm thực hiện một số mục tiêu học tập cụ thể, trang bị cho người học những kiến thức, kỹ năng thuộc một phạm vi chuyên môn hẹp trong chương trình đào tạo. Một học phần thông thường được tổ chức giảng dạy, học tập trong một học kỳ

9. *Thành phần của một chương trình đào tạo* là một nhóm học phần và các hoạt động học tập, nghiên cứu khác có đặc điểm chung về chuyên môn; có vai trò rõ nét trong thực hiện một nhóm mục tiêu và yêu cầu đầu ra của chương trình đào tạo. Các thành phần được sử dụng để thiết kế cấu trúc tổng thể của chương trình đào tạo, như giáo dục đại cương, khoa học cơ bản, cơ sở và cốt lõi ngành, thực tập và trải nghiệm, nghiên cứu khoa học và các thành phần khác.

Điều 3. Mục đích ban hành chuẩn chương trình đào tạo

1. Chuẩn chương trình đào tạo là căn cứ để:

a) HVNG xây dựng, thẩm định, ban hành, thực hiện, đánh giá và cải tiến chương trình đào tạo; xây dựng các quy định về tuyển sinh, tổ chức và quản lý đào tạo, công nhận và chuyển đổi tín chỉ cho người học, công nhận chương trình đào tạo của các HVNG khác; thực hiện trách nhiệm giải trình về chất lượng chương trình đào tạo;

b) Các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền thanh tra, kiểm tra về chương trình đào tạo và bảo đảm chất lượng chương trình đào tạo; các bên liên quan và toàn xã hội giám sát hoạt động và kết quả đào tạo của HVNG.

2. Chuẩn chương trình đào tạo của các ngành, nhóm ngành của từng lĩnh vực ở mỗi trình độ có thể quy định cao hơn hoặc mở rộng hơn so với các quy định chung trong chuẩn chương trình đào tạo của trình độ đó.

CHƯƠNG II

CHUẨN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CÁC TRÌNH ĐỘ CỦA HỌC VIỆN NGOẠI GIAO

Điều 4. Mục tiêu của chương trình đào tạo

1. Phải nêu rõ kỳ vọng của HVNG về năng lực và triển vọng nghề nghiệp của người tốt nghiệp chương trình đào tạo.

2. Phải thể hiện được định hướng đào tạo: định hướng nghiên cứu, định hướng ứng dụng hoặc định hướng nghề nghiệp; đáp ứng nhu cầu của giới tuyển dụng và các bên liên quan.

3. Phải phù hợp và gắn kết với sứ mạng, tầm nhìn, chiến lược phát triển của HVNG, nhu cầu của xã hội; phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học theo quy định tại Luật Giáo dục đại học và mô tả trình độ theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

Điều 5. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

1. Phải rõ ràng và thiết thực, thể hiện kết quả học tập mà người tốt nghiệp cần đạt được về hiểu biết chung và năng lực cốt lõi ở trình độ đào tạo, những yêu cầu riêng của lĩnh vực, ngành đào tạo.

2. Phải đo lường, đánh giá được theo các cấp độ tư duy làm căn cứ thiết kế, thực hiện và cải tiến nội dung và phương pháp giảng dạy; kiểm tra, đánh giá kết quả học tập và cấp văn bằng cho người học.

3. Phải nhất quán với mục tiêu của chương trình đào tạo, thể hiện được sự đóng góp rõ nét đồng thời phản ánh được những yêu cầu mang tính đại diện cao của giới tuyển dụng và các bên liên quan khác.

4. Phải chỉ rõ bậc trình độ cụ thể và đáp ứng chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm, năng lực cần thiết theo quy định cho bậc trình độ tương ứng theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

5. Phải bảo đảm tính liên thông với chuẩn đầu vào của trình độ đào tạo cao hơn (thạc sĩ, tiến sĩ), đồng thời tạo cơ hội liên thông ngang giữa các chương trình cùng

trình độ đào tạo, nhất là giữa các chương trình thuộc cùng nhóm ngành hoặc cùng lĩnh vực.

6. Phải được cụ thể hóa một cách đầy đủ và rõ nét trong chuẩn đầu ra của các học phần và thành phần trong chương trình đào tạo, đồng thời được thực hiện một cách có hệ thống qua liên kết giữa các học phần và các thành phần.

7. Phải đảm bảo tính khả thi, phù hợp với khối lượng chương trình để phần lớn người học đã đáp ứng chuẩn đầu vào có khả năng hoàn thành chương trình đào tạo trong thời gian tiêu chuẩn.

Điều 6. Chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo

1. Chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo đại học: Người học phải tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc trình độ tương đương.

3. Chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo thạc sĩ: Người học phải tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp; có trình độ ngoại ngữ bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương. Đối với chương trình đào tạo thạc sĩ theo định hướng nghiên cứu, người học phải tốt nghiệp đại học hạng khá trở lên hoặc có công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực sẽ học tập.

4. Chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo tiến sĩ: Người học phải tốt nghiệp thạc sĩ hoặc chương trình đào tạo chuyên sâu đặc thù trình độ bậc 7 ngành phù hợp hoặc tốt nghiệp hạng giỏi trình độ đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp; có trình độ ngoại ngữ bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (hoặc trình độ tương đương trở lên); có năng lực, kinh nghiệm nghiên cứu.

Điều 7. Khối lượng học tập

1. Khối lượng học tập của chương trình đào tạo, của mỗi thành phần hoặc của mỗi học phần trong chương trình đào tạo được xác định bằng số tín chỉ.

a) Một tín chỉ được tính tương đương 50 giờ học tập định mức của người học, bao gồm cả thời gian dự giờ giảng, giờ học có hướng dẫn, tự học, nghiên cứu, trải nghiệm và dự kiểm tra, đánh giá;

b) Đối với hoạt động dạy học trên lớp, một tín chỉ yêu cầu thực hiện tối thiểu 15 giờ giảng hoặc 30 giờ thực hành, thí nghiệm, thảo luận trong đó một giờ trên lớp được tính bằng 50 phút.

2. Khối lượng học tập tối thiểu của một chương trình đào tạo phải phù hợp với yêu cầu của Khung trình độ quốc gia Việt Nam, cụ thể như sau:

a) Chương trình đào tạo đại học: 120 tín chỉ, cộng với khối lượng giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng-an ninh theo quy định hiện hành;

b) Chương trình đào tạo thạc sĩ: 60 tín chỉ đối với người có trình độ đại học thuộc cùng nhóm ngành;

c) Chương trình đào tạo tiến sĩ: 90 tín chỉ với người có trình độ thạc sĩ, 120 tín chỉ với người có trình độ đại học thuộc cùng nhóm ngành.

3. Khối lượng học tập tối thiểu đối với các chương trình đào tạo song ngành phải cộng thêm 30 tín chỉ, đối với chương trình đào tạo ngành chính - ngành phụ phải cộng thêm 15 tín chỉ so với chương trình đào tạo đơn ngành tương ứng.

Điều 8. Cấu trúc và nội dung chương trình đào tạo

1. Yêu cầu chung về cấu trúc và nội dung chương trình đào tạo:

a) Phải thể hiện rõ vai trò của từng thành phần, học phần, sự liên kết logic và hỗ trợ lẫn nhau giữa các thành phần, học phần đảm bảo thực hiện mục tiêu, yêu cầu tổng thể của chương trình đào tạo.

b) Phải thể hiện rõ đặc điểm và yêu cầu chung về chuyên môn, nghề nghiệp trong lĩnh vực, nhóm ngành ở trình độ đào tạo, tạo điều kiện thực hiện liên thông giữa các ngành và trình độ đào tạo; đồng thời thể hiện những đặc điểm và yêu cầu riêng của ngành đào tạo;

c) Phải quy định rõ những thành phần chính yếu, bắt buộc đối với tất cả người học; đồng thời đưa ra các thành phần hỗ trợ, tự chọn để người học lựa chọn học phù hợp với định hướng nghề nghiệp của bản thân;

d) Phải định hướng được cho người học đồng thời đảm bảo tính mềm dẻo, tạo điều kiện cho người học xây dựng kế hoạch học tập cá nhân theo tiến độ và trình tự phù hợp với năng lực, điều kiện của bản thân.

2. Mỗi thành phần, học phần của chương trình đào tạo phải quy định mục tiêu, yêu cầu đầu vào và đầu ra, số tín chỉ và nội dung, đặc điểm chuyên môn; đóng góp rõ nét trong thực hiện mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

3. Yêu cầu đối với CTĐT đại học:

a) Giáo dục đại cương bắt buộc bao gồm các môn lý luận chính trị, pháp luật, giáo dục thể chất, công nghệ thông tin và giáo dục quốc phòng - an ninh theo quy định hiện hành;

b) Đối với các chương trình đào tạo song ngành, ngành chính - ngành phụ, chương trình đào tạo cần được cấu trúc để thể hiện rõ những thành phần chung và những phần riêng theo từng ngành;

c) Chương trình đào tạo được kết cấu bởi các học phần bắt buộc và học phần tự chọn. Trong đó, các học phần tự chọn chiếm tối thiểu 20% tổng khối lượng chương trình đào tạo;

d) Chương trình đào tạo phải bao gồm học phần hướng nghiệp và thực tập tại các cơ sở thực tế. Khóa luận tốt nghiệp hoặc các học phần tốt nghiệp (áp dụng đối với sinh viên không làm khóa luận tốt nghiệp) có thời lượng tối thiểu là 10 tín chỉ.

4. Yêu cầu đối với CTĐT thạc sĩ:

a) Định hướng nghiên cứu: khối lượng nghiên cứu khoa học từ 24 đến 30 tín chỉ, bao gồm 12 đến 15 tín chỉ cho luận văn, 12 đến 15 tín chỉ cho các đề án, dự án, chuyên đề nghiên cứu khác;

b) Định hướng ứng dụng: thực tập từ 6 đến 9 tín chỉ; học phần tốt nghiệp từ 6 đến 9 tín chỉ dưới hình thức đề án, đề án hoặc dự án.

5. Yêu cầu đối với CTĐT tiến sĩ:

a) Tối thiểu 80% nghiên cứu khoa học và luận án tiến sĩ;

b) Tối đa 16 tín chỉ các học phần, môn học bắt buộc hoặc tự chọn đối với đầu vào trình độ thạc sĩ;

c) Tối thiểu 30 tín chỉ các học phần, môn học bắt buộc hoặc tự chọn đối với đầu vào trình độ đại học.

Điều 9. Phương pháp giảng dạy và đánh giá kết quả học tập

1. Phương pháp giảng dạy phải được thiết kế theo cách tiếp cận lấy người học làm trung tâm và chủ thể của quá trình đào tạo, thúc đẩy người học phát huy chủ động và nỗ lực tham gia các hoạt động học tập; định hướng hiệu quả để người học đạt được chuẩn đầu ra của mỗi học phần, mỗi thành phần và của cả chương trình đào tạo.

2. Đánh giá kết quả học tập của người học phải dựa trên chuẩn đầu ra, phải làm rõ mức độ đạt được của người học theo các cấp độ tư duy quy định trong chuẩn đầu ra của mỗi học phần, mỗi thành phần và chương trình đào tạo.

3. Đánh giá kết quả học tập của người học phải dựa trên đánh giá quá trình và đánh giá tổng kết; làm cơ sở để kịp thời điều chỉnh hoạt động giảng dạy và học tập, thúc đẩy nỗ lực và hỗ trợ tiến bộ của người học, cải tiến chương trình đào tạo và tổ chức thực hiện chương trình đào tạo.

Điều 10. Đội ngũ giảng viên và nhân lực hỗ trợ

1. *Yêu cầu đối với đội ngũ giảng viên giảng dạy chương trình đại học:*

a) Giảng viên có trình độ thạc sĩ trở lên, trợ giảng có trình độ đại học trở lên;

b) Có ít nhất 01 tiến sĩ ngành phù hợp là giảng viên cơ hữu để chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện chương trình đào tạo;

c) Có ít nhất 05 tiến sĩ có chuyên môn phù hợp là giảng viên cơ hữu để chủ trì giảng dạy chương trình, trong đó mỗi thành phần của chương trình phải có giảng viên với chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy;

d) Có đủ số lượng giảng viên để đảm bảo tỉ lệ sinh viên trên giảng viên không vượt quá mức quy định cho từng lĩnh vực, nhóm ngành hoặc ngành đào tạo.

2. *Yêu cầu đối với đội ngũ giảng viên giảng dạy chương trình thạc sĩ:*

a) Giảng viên có trình độ tiến sĩ;

b) Có ít nhất 05 tiến sĩ ngành phù hợp là giảng viên cơ hữu, trong đó có một giáo sư hoặc phó giáo sư chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện chương trình đào tạo;

c) Có giảng viên cơ hữu với chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy đối với từng môn học, học phần của chương trình;

d) Có đủ người hướng dẫn để đảm bảo tỷ lệ tối đa 05 học viên trên một người hướng dẫn.

3. *Yêu cầu đối với đội ngũ giảng viên giảng dạy chương trình tiến sĩ:*

a) Giảng viên có chức danh giáo sư hoặc phó giáo sư; hoặc có trình độ tiến sĩ với năng lực nghiên cứu tốt;

b) Có ít nhất 01 giáo sư (hoặc 02 phó giáo sư) ngành phù hợp và 03 tiến sĩ ngành phù hợp là giảng viên cơ hữu;

c) Có đủ người hướng dẫn để đảm bảo tỉ lệ tối đa 07 nghiên cứu sinh/giáo sư, 05 nghiên cứu sinh/phó giáo sư và 03 nghiên cứu sinh/tiến sĩ.

5. Chuẩn chương trình cho các ngành, nhóm ngành quy định yêu cầu cụ thể về đội ngũ giảng viên không thấp hơn quy định tại các khoản 2, 3 và 4 của Điều này; yêu cầu cụ thể về tỉ lệ người học trên giảng viên; yêu cầu về đội ngũ nhân lực hỗ trợ đào tạo (nếu cần thiết), phù hợp với đặc điểm của từng lĩnh vực nhóm ngành hoặc ngành đào tạo.

Điều 11. Cơ sở vật chất, công nghệ và học liệu

Cơ sở vật chất, thiết bị, thư viện, giáo trình phải đáp ứng yêu cầu giảng dạy, học tập, nghiên cứu theo yêu cầu của các chương trình đào tạo

Hệ thống phòng học, phòng thực hành, hệ thống công nghệ thông tin, hệ thống quản lý hỗ trợ học tập, quản lý đào tạo cùng các thiết bị cần thiết phải đáp ứng yêu cầu giảng dạy, học tập, nghiên cứu khoa học theo yêu cầu của các chương trình đào tạo, phù hợp với quy mô đào tạo ở từng trình độ đào tạo, đảm bảo giúp người học đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo, phù hợp với đặc điểm của từng ngành, nhóm ngành hoặc lĩnh vực đào tạo.

CHƯƠNG III: MỞ NGÀNH, XÂY DỰNG, THẨM ĐỊNH VÀ BAN HÀNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Điều 12. Nguyên tắc mở ngành và xây dựng CTĐT

1. Các ngành có nhu cầu xã hội cao hoặc có dự báo nhu cầu nhân lực cao, đáp ứng yêu cầu của sự phát triển kinh tế-xã hội.

2. Phải tuân thủ theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước và Bộ Giáo dục và Đào tạo, phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn, triết lý giáo dục, định hướng chiến lược phát triển và các quy định của Học viện.

3. Phải đảm bảo tính khoa học, tính hệ thống và liên thông giữa các chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ trong tổng thể phát triển ngành, chuyên ngành và có tính kế thừa từ các chương trình đào tạo hiện hành.

4. Phải đảm bảo phát huy tối đa các nguồn lực hiện có của Học viện.

5. Phải tham khảo các chương trình đào tạo tương đương của các trường đại học/ cơ sở giáo dục có uy tín trong nước và trên thế giới.

Điều 13. Đề xuất chủ trương mở ngành

1. Căn cứ các quy định về điều kiện mở ngành đào tạo các trình độ tại Luật Giáo dục đại học và Thông tư 02/2022/TT-BGDĐT, Khoa chuyên môn đề xuất chủ trương mở ngành đào tạo và phối hợp với Phòng Đào tạo đại học/ sau đại học xây dựng *Đề xuất chủ trương mở ngành*.

2. Nội dung *Đề xuất chủ trương mở ngành* bao gồm các nội dung sau:

- *Sự cần thiết của việc mở ngành đào tạo*: phân tích, thuyết minh về nhu cầu đào tạo, nhu cầu sử dụng nhân lực trong lĩnh vực đào tạo hiện tại và tương lai (căn cứ trên các dự báo của địa phương, thị trường lao động, khảo sát nhà tuyển dụng); phân tích xu hướng phát triển ngành đào tạo trên thế giới, sự phù hợp với sự phát triển ngành và trình độ đào tạo, sứ mạng và mục tiêu chiến lược của Học viện, chiến lược quy hoạch phát triển kinh tế-xã hội của ngành, địa phương, quốc gia và nhu cầu của thị trường lao động;

- *Năng lực đào tạo của đơn vị*: đội ngũ giảng viên, cơ sở vật chất, học liệu, hợp tác doanh nghiệp và hợp tác quốc tế;

- *Kế hoạch lộ trình mở ngành*: thời gian dự kiến mở ngành, quy mô đào tạo của ngành trong thời gian từ 5 đến 10 năm tới, nội dung công việc cần thực hiện và lộ trình thực hiện để đáp ứng điều kiện mở ngành (đầu tư trang thiết bị, phòng học, thư viện, học liệu, tuyển dụng và phát triển đội ngũ giảng viên cần đầu tư) và kế hoạch đánh giá kiểm định CTĐT sau khi mở ngành.

- *Giải pháp khắc phục khó khăn và ngăn ngừa rủi ro*: Phân tích, dự báo những khó khăn, thách thức và đặc biệt là các tình huống rủi ro có thể xảy ra và các giải pháp ngăn ngừa, khắc phục.

3. Sau khi hoàn thiện, *Đề xuất chủ trương mở ngành* sẽ được trình lên Hội đồng khoa học và đào tạo của Học viện để xem xét và thẩm định. Nếu *Đề xuất* được kết luận khả thi và đáp ứng các yêu cầu về đảm bảo chất lượng giáo dục theo quy định hiện hành của pháp luật, Trưởng Ban Đào tạo báo cáo Giám đốc Học viện để trình Ban Giám đốc và Hội đồng Học viện xem xét, phê duyệt.

Sau khi *Đề xuất chủ trương mở ngành* được Hội đồng Học viện phê duyệt, Giám đốc Học viện ra quyết định thành lập Hội đồng xây dựng CTĐT chịu trách nhiệm lập Đề án mở ngành và xây dựng CTĐT.

Điều 14. Xây dựng chương trình đào tạo

1. Hội đồng xây dựng CTĐT

Yêu cầu về thành phần của Hội đồng:

a) Đại diện tiêu biểu cho các giảng viên am hiểu về ngành, chuyên ngành đào tạo, trực tiếp tham gia giảng dạy hoặc quản lý đào tạo của cơ sở đào tạo, có năng lực xây dựng và phát triển chương trình đào tạo;

b) Chuyên gia phát triển chương trình đào tạo và bảo đảm chất lượng giáo dục đại học;

c) Đại diện giới tuyển dụng lao động trong lĩnh vực chuyên môn liên quan có am hiểu về yêu cầu năng lực nghề nghiệp và các vị trí việc làm trong lĩnh vực của ngành đào tạo.

Giám đốc Học viện quyết định tiêu chuẩn, số lượng, thành phần cơ cấu và thành viên tham gia Hội đồng xây dựng CTĐT; quy định nhiệm vụ và quyền hạn của Tổ và các thành viên trong Hội đồng.

2. Quy trình xây dựng CTĐT:

Hội đồng xây dựng CTĐT chịu trách nhiệm triển khai xây dựng CTĐT theo các bước sau:

Bước 1: Xây dựng Mục tiêu và CDR cho CTĐT

Căn cứ Khung trình độ quốc gia; các quy định pháp luật hiện hành về nghề nghiệp liên quan đến ngành đào tạo; sứ mạng, tầm nhìn của Học viện và đặc thù chung của sinh viên tốt nghiệp Học viện, kết quả khảo sát nhà tuyển dụng, yêu cầu của thị trường lao động đối với nhân lực của ngành đào tạo, kết quả đối sánh với các CTĐT tương đương của các trường đại học có uy tín trong nước và trên thế giới, Hội đồng xây dựng CTĐT xây dựng dự thảo mục tiêu và CDR cho CTĐT đảm bảo đáp ứng yêu cầu quy định tại Điều 5 của văn bản này; thực hiện lấy ý kiến của giảng viên và chuyên gia về dự thảo mục tiêu và CDR. Sản phẩm của bước này là dự thảo *Mục tiêu và CDR của CTĐT*.

Bước 2: Xây dựng dự thảo khung CTĐT và ma trận CDR của CTĐT

Trên cơ sở Mục tiêu và CDR đã xây dựng, Hội đồng tổ chức xây dựng CTĐT đáp ứng các yêu cầu sau:

a) Đáp ứng các yêu cầu về chuẩn CTĐT các trình độ của giáo dục đại học theo quy định tại Chương II của văn bản này, chuẩn CTĐT của các ngành, khối ngành do Bộ GDĐT hay cơ quan có thẩm quyền ban hành (nếu có) và Khung trình độ quốc gia Việt Nam;

b) Thể hiện rõ khả năng góp phần đáp ứng nhu cầu nhân lực theo kế hoạch, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của ngành, địa phương, quốc gia và nhu cầu của thị trường lao động;

c) Phản ánh yêu cầu của các bên liên quan, trong đó có đại diện giảng viên tại các Khoa chuyên môn, đại diện các đơn vị sử dụng lao động và hiệp hội nghề nghiệp, các chuyên gia trong lĩnh vực chuyên môn, người đã tốt nghiệp chương trình đào tạo đang làm việc đúng chuyên môn;

d) Được tham khảo, đối sánh với chương trình đào tạo cùng trình độ, cùng ngành đã được kiểm định của các cơ sở đào tạo có uy tín ở trong nước và nước ngoài;

đ) Được thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo; phải tích hợp giảng dạy kỹ năng với kiến thức; phải có ma trận các môn học hoặc học phần với chuẩn đầu ra, bảo đảm chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được phân bổ và truyền tải đầy đủ thành chuẩn đầu ra của các môn học hoặc học phần;

e) Tỷ lệ các khối kiến thức và các học phần trong từng khối kiến thức đáp ứng quy định tại Điều 8 của văn bản này

f) Các hoạt động dạy và học, kiểm tra đánh giá phải được lập kế hoạch và thiết kế dựa vào CĐR của môn học hoặc học phần, bảo đảm cung cấp những hoạt động giảng dạy thúc đẩy việc học tập đáp ứng CĐR;

g) Có quy định, hướng dẫn thực hiện chương trình đào tạo, bảo đảm chất lượng đào tạo;

Sau khi đã hoàn thành Dự thảo khung CTĐT, Hội đồng thực hiện xây dựng Ma trận CĐR: xác định trình tự thực hiện các khối kiến thức và các học phần nhằm đạt CĐR một cách tối ưu. Ma trận CĐR giúp xác định trình tự phát triển các kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm, phẩm chất đạo đức, cơ sở để thiết kế các hoạt động dạy học, kiểm tra đánh giá của các học phần và hoàn thiện dự thảo khung CTĐT lần 1.

Sản phẩm của bước này là *Dự thảo khung CTĐT lần 1, trong đó có ma trận CĐR*.

Bước 3: Khảo sát lấy ý kiến của giảng viên và chuyên gia về Dự thảo khung CTĐT lần 1 (trong đó có ma trận CĐR)

Hội đồng xây dựng CTĐT tổ chức khảo sát lấy ý kiến giảng viên và chuyên gia về dự thảo CĐR và khung CTĐT lần 1 (trong đó có ma trận CĐR). Trên cơ sở kết

qua khảo sát, Hội đồng hoàn thiện Dự thảo khung CTĐT và ma trận CĐR. Sản phẩm của bước này là *Dự thảo khung CTĐT lần 2 (trong đó có ma trận CĐR)*.

Bước 4: Tổ chức xây dựng CĐR cho từng học phần

Căn cứ CĐR, khung CTĐT tổng thể và ma trận CĐR, Hội đồng xây dựng CTĐT giao Khoa chuyên môn tổ chức xây dựng CĐR cho từng học phần trong CTĐT. Hội đồng Khoa học và đào tạo của Khoa chuyên môn có nhiệm vụ thẩm định đề xuất CĐR của các học phần. Kết quả của bước này là *dự thảo CĐR các học phần lần 1*.

Bước 5: Lấy ý kiến các bên liên quan về Dự thảo khung CTĐT lần 2 và Dự thảo CĐR các học phần lần 1.

Hội đồng xây dựng CTĐT tổ chức các hội thảo, hội nghị lấy ý kiến các nhà quản lý, chuyên gia, nhà tuyển dụng, cựu sinh viên, giảng viên, sinh viên về Dự thảo khung CTĐT lần 2 (trong đó có ma trận CĐR) và Dự thảo CĐR các học phần lần 1 ... Trên cơ sở các ý kiến đóng góp của các bên liên quan, Hội đồng xây dựng CTĐT hoàn thiện dự thảo khung CTĐT và CĐR các học phần. Sản phẩm của bước này là *dự thảo khung CTĐT lần 3 và CĐR các học phần lần 2*.

Bước 6: Thẩm định khung CTĐT và CĐR của các học phần trong CTĐT

Hội đồng thẩm định khung CTĐT (bao gồm các giảng viên, chuyên gia và chuyên gia phát triển chương trình và đại diện nhà sử dụng lao động, có trách nhiệm đánh giá, thẩm định khung CTĐT (bao gồm ma trận CĐR) và CĐR của các học phần trong CTĐT; Thành phần Hội đồng không phải là thành viên tham gia xây dựng CTĐT.

Bước 7: Triển khai xây dựng Đề cương chi tiết học phần

Khoa chuyên môn tổ chức triển khai xây dựng Đề cương chi tiết các học phần theo các bước sau:

a) Giảng viên phụ trách học phần tiến hành xây dựng Đề cương chi tiết học phần trên cơ sở CĐR học phần và ma trận CĐR đã xác định;

Đề cương chi tiết học phần phải thể hiện rõ thông tin giảng viên, số tín chỉ, điều kiện tiên quyết (nếu có), mục tiêu, CĐR, nội dung lý thuyết, thực hành, hoạt động dạy học, kế hoạch giảng dạy và học tập hàng tuần, phương pháp kiểm tra – đánh giá, chính sách đối với học phần, học liệu.

b) Lấy ý kiến của giảng viên, chuyên gia và sinh viên về dự thảo Đề cương chi tiết học phần. Trên cơ sở các ý kiến đóng góp, giảng viên phụ trách học phần hoàn thiện dự thảo Đề cương chi tiết học phần;

Kết quả của bước này là Dự thảo *Bộ đề cương chi tiết các học phần*

Bước 8. Thẩm định bộ Đề cương chi tiết học phần

Hội đồng thẩm định bộ Đề cương chi tiết học phần (bao gồm các giảng viên, chuyên gia và chuyên gia phát triển chương trình và đại diện nhà sử dụng lao động, để xem xét thẩm định các Đề cương chi tiết học phần; Hội đồng thẩm định Đề cương chi tiết không phải là thành viên tham gia xây dựng, chỉnh sửa các đề cương chi tiết học phần.

Sản phẩm của bước này là *Bộ đề cương chi tiết học phần được phê duyệt*.

Điều 15. Hoàn thiện Đề án mở ngành

Sau khi CTĐT bao gồm Khung CTĐT, ma trận CDR và Bộ đề cương chi tiết học phần đã chính thức được Hội đồng khoa học và đào tạo của Khoa chuyên môn thông qua, Hội đồng xây dựng CTĐT hoàn thiện hồ sơ Đề án mở ngành bao gồm:

a) Tờ trình và Đề án mở ngành theo mẫu quy định tại Phục lục ... bao gồm các nội dung: i) Sự cần thiết mở ngành đào tạo; ii) Năng lực của Khoa (đội ngũ giảng viên, cán bộ khoa học cơ hữu ngành đề nghị mở ngành đào tạo; giáo trình; hoạt động nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế); iii) Điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị, thư viện; iv) Tóm tắt chương trình đào tạo và kế hoạch đào tạo; v) Biên bản của Hội đồng khoa học Khoa thông qua đề án mở ngành đào tạo (kèm theo Đề xuất chủ trương mở ngành đã được phê duyệt);

b) Chương trình đào tạo có ma trận chuẩn đầu ra và kế hoạch đào tạo (bao gồm cả đối tượng tuyển sinh, dự kiến quy mô tuyển sinh trong 03 năm đầu);

c) Bộ đề cương chi tiết các học phần trong CTĐT;

d) Phiếu tự đánh giá các điều kiện mở ngành đào tạo;

e) Các minh chứng về quá trình tổ chức xây dựng và thẩm định CDR và CTĐT gồm: quyết định thành lập Hội đồng xây dựng CTĐT, biên bản các cuộc họp hội đồng khoa học của Khoa chuyên môn, biên bản hội nghị, hội thảo lấy ý kiến góp ý cho các dự thảo CDR và CTĐT, biên bản họp Hội đồng khoa học và đào tạo Khoa chuyên môn thẩm định Bộ đề cương chi tiết học phần, các văn bản góp ý của chuyên gia cho dự thảo CDR và CTĐT, các văn bản giải trình của Khoa chuyên môn về việc điều chỉnh, bổ sung CDR và CTĐT theo góp ý của các bên liên quan (nếu có);

f) Các phiếu khảo sát, điều tra về nhu cầu nguồn nhân lực đối với ngành đào tạo, về CDR cho CTĐT;

g) Lý lịch khoa học của giảng viên cơ hữu tham gia chương trình đào tạo.

Điều 16. Thẩm định phê duyệt Đề án mở ngành, khung CTĐT, Đề cương chi tiết học phần và ban hành CTĐT

1. Giám đốc Học viện ra quyết định thành lập Hội đồng thẩm định Đề án mở ngành và CTĐT. Tiêu chuẩn và cơ cấu Hội đồng thẩm định được quy định như sau:

a) Thành viên Hội đồng thẩm định Đề án mở ngành và CTĐT: giáo sư, phó giáo sư, tiến sĩ đúng ngành hoặc ngành gần đối với CTĐT thuộc ngành mới, các chuyên gia am hiểu về ngành, chuyên ngành đào tạo, có năng lực xây dựng, phát triển CTĐT và bảo đảm chất lượng giáo dục đại học. Thành viên Hội đồng thẩm định CTĐT không phải là thành viên Hội đồng xây dựng CTĐT;

b) Hội đồng thẩm định có số thành viên là số lẻ, gồm Chủ tịch, Thư ký, tối thiểu 02 ủy viên phản biện thuộc hai cơ sở đào tạo khác nhau và các ủy viên Hội đồng; trong đó có ít nhất 01 thành viên là người đại diện cho đơn vị sử dụng lao động;

c) Giám đốc Học viện quyết định cụ thể tiêu chuẩn, số lượng, thành phần, cơ cấu và thành viên tham gia Hội đồng thẩm định CTĐT phù hợp với quy định tại các điểm a, b khoản 1 Điều này.

2. Yêu cầu thẩm định Đề án mở ngành và CTĐT:

a) Đánh giá được mức độ đáp ứng các quy định của chuẩn CTĐT, quy chế tổ chức đào tạo hiện hành đối với các trình độ tương ứng; các quy định liên quan khác về CTĐT; yêu cầu của ngành đào tạo và mục tiêu, chuẩn đầu ra đã xác định;

b) Kết luận rõ một trong các nội dung sau: Hội đồng thông qua Đề án mở ngành và CTĐT, không cần chỉnh sửa, bổ sung hoặc Hội đồng thông qua Đề án mở ngành và CTĐT nhưng yêu cầu phải chỉnh sửa, bổ sung và nêu nội dung cụ thể cần phải chỉnh sửa, bổ sung hoặc Hội đồng không thông qua Đề án mở ngành và CTĐT và nêu lý do không thông qua.

3. Sau khi có kết luận của Hội đồng thẩm định Đề án mở ngành và CTĐT, trên cơ sở ý kiến của Hội đồng khoa học và đào tạo của Học viện, Giám đốc Học viện ký quyết định mở ngành và ban hành CTĐT.

CHƯƠNG IV

RÀ SOÁT, ĐÁNH GIÁ VÀ CẢI TIẾN CTĐT

Điều 17. Rà soát, đánh giá và cải tiến CTĐT

1. CTĐT phải thường xuyên được rà soát, đánh giá, cập nhật; kết quả rà soát, đánh giá phải được cơ sở đào tạo áp dụng để cải tiến, nâng cao chất lượng đào tạo.

2. Đánh giá CTĐT phải đáp ứng các yêu cầu sau:

a) Việc đánh giá phải đáp ứng các yêu cầu theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam, chuẩn CTĐT các trình độ của giáo dục đại học theo quy định tại Chương II của văn bản này và chuẩn CTĐT của các ngành, khối ngành (nếu có);

b) Việc đánh giá phải dựa trên kết quả đánh giá mức độ đạt được CDR của CTĐT đối với mỗi khóa học và phản hồi của các bên liên quan (giới sử dụng lao động, người học, giảng viên, tổ chức nghề nghiệp...). Mỗi CDR phải được đánh giá tối thiểu hai lần trong chu kỳ đánh giá CTĐT (2.5 năm);

c) Việc đánh giá phải làm rõ tính hiệu quả của CTĐT đang thực hiện (đáp ứng so với chuẩn đầu ra và mục tiêu đã xác định; sự thống nhất và gắn kết giữa nội dung chương trình, phương pháp kiểm tra đánh giá, nguồn tài liệu phục vụ học tập và giảng dạy);

d) Việc đánh giá phải đưa ra đề xuất cải tiến chất lượng CTĐT và dự kiến tác động của việc thay đổi, cập nhật CTĐT; kết quả đánh giá, cải tiến phải được công khai trên trang thông tin điện tử của cơ sở đào tạo.

3. Chu kỳ đánh giá tổng thể CTĐT tối đa là 05 năm; quy trình đánh giá tổng thể tương tự với quy trình xây dựng mới CTĐT. Giám đốc Học viện công bố CTĐT dưới dạng CTĐT mới hoặc CTĐT sửa đổi, bổ sung sau khi được đánh giá và cập nhật.

4. Việc đánh giá chất lượng CTĐT trước khi khóa đầu tiên tốt nghiệp theo quy định về mở ngành đào tạo tại khoản 18 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học phải đáp ứng các yêu cầu theo quy định tại Điều này.

Điều 18. Tổ chức rà soát và đánh giá CTĐT

Căn cứ tham mưu của Ban Đào tạo và Khoa chuyên môn, Giám đốc Học viện quyết định thành lập Ban chỉ đạo rà soát, đánh giá và cải tiến CTĐT (sau đây gọi tắt là Ban chỉ đạo), các Tổ rà soát và đánh giá CTĐT (sau đây gọi tắt là Tổ rà soát) theo từng ngành. Thành phần của Ban chỉ đạo và các Tổ rà soát gồm đại diện Ban Đào tạo, lãnh đạo các Khoa chuyên môn liên quan, giảng viên có kinh nghiệm trong ngành đào tạo, chuyên gia phát triển chương trình và đại diện nhà sử dụng lao động.

Kết quả rà soát và đánh giá CTĐT là căn cứ để thực hiện cải tiến CTĐT.

Tổ rà soát thực hiện rà soát và đánh giá CTĐT theo trình tự sau đây:

a) Thu thập thông tin, minh chứng thông qua các hình thức khảo sát, lấy ý kiến sinh viên và các bên liên quan về CTĐT đang thực hiện;

b) Tiến hành đánh giá và xây dựng báo cáo đánh giá về tính hiệu quả của CTĐT đang thực hiện (đánh giá mục tiêu, CDR, sự phù hợp giữa mục tiêu và CDR với tầm nhìn, sứ mạng và giá trị cốt lõi của Học viện; sự đáp ứng đối với mục tiêu và CDR, sự gắn kết giữa nội dung CTĐT, phương pháp kiểm tra – đánh giá, nguồn tài liệu phục vụ học tập và giảng dạy,...), mức độ đáp ứng của CTĐT đang thực hiện với yêu cầu phát triển chương trình, với những thay đổi của thị trường giáo dục, thị trường lao động; dự kiến thay đổi, cập nhật CTĐT (nếu cần) và tác động có thể có của những thay đổi cập nhật này;

c) Báo cáo Ban chỉ đạo về kết quả đánh giá CTĐT và đề xuất cải tiến/ cập nhật CTĐT (nếu cần). Ban chỉ đạo thực hiện xem xét và phê duyệt các thay đổi/ cập nhật CTĐT;

d) Trong trường hợp cần phải thực hiện thay đổi lớn đối với CTĐT đang thực hiện, Ban chỉ đạo báo cáo tham mưu Giám đốc Học viện ra *Quyết định điều chỉnh CTĐT*.

Điều 19. Tổ chức cập nhật/ điều chỉnh CTĐT

Căn cứ kết quả rà soát và đánh giá CTĐT, Ban chỉ đạo rà soát, đánh giá và cải tiến CTĐT chỉ đạo các Tổ rà soát CTĐT thực hiện việc cập nhật/ điều chỉnh CTĐT theo các bước sau:

Bước 1: Dự thảo mục tiêu, CDR, khung CTĐT và ma trận CDR cập nhật/ điều chỉnh (Dự thảo 1) trên cơ sở báo cáo đánh giá hiệu quả của CTĐT hiện hành, báo cáo đối sánh với các CTĐT tương đương trong nước và quốc tế, kết quả khảo sát ý kiến các bên liên quan;

Bước 2: Phối hợp với Phòng Đào tạo Đại học, Sau đại học, Phòng KT&ĐBCL và các đơn vị đào tạo tổ chức lấy ý kiến các bên liên quan (giảng viên, chuyên gia, nhà quản lý, nhà tuyển dụng, cựu sinh viên) về dự thảo mục tiêu, CDR, khung CTĐT cập nhật/điều chỉnh và ma trận CDR;

Bước 3: Sửa đổi và hoàn thiện Dự thảo mục tiêu, CDR, khung CTĐT và ma trận CDR cập nhật/ điều chỉnh trên cơ sở các ý kiến đóng góp của các bên liên quan (Dự thảo 2);

Đối với trường hợp phải điều chỉnh CTĐT, trước khi thực hiện cập nhật/điều chỉnh Đề cương chi tiết, cần phải làm thêm các bước từ 4 đến 7 :

Bước 4 : Phối hợp với Phòng Đào tạo đại học, Sau đại học, Phòng KT&ĐBCL và các đơn vị đào tạo tổ chức Hội thảo/Hội nghị lấy ý kiến các bên liên quan về Dự thảo 2 khung CTĐT và ma trận CĐR điều chỉnh;

Bước 5: Trên cơ sở các ý kiến đóng góp, Tổ rà soát hoàn thiện Dự thảo khung CTĐT và ma trận CĐR cập nhật/điều chỉnh theo quy định tại Chương II về chuẩn CTĐT của Quy định này (Dự thảo 3).

Bước 6: Thẩm định Khung CTĐT và ma trận CĐR điều chỉnh: Ban chỉ đạo rà soát, đánh giá và cải tiến CTĐT báo cáo tham mưu Giám đốc Học viện thành lập Hội đồng thẩm định khung CTĐT điều chỉnh (bao gồm các giảng viên, chuyên gia và chuyên gia phát triển chương trình và đại diện nhà sử dụng lao động) để thẩm định Khung CTĐT và ma trận CĐR điều chỉnh. Thành viên Hội đồng thẩm định không phải là thành viên của Tổ rà soát CTĐT, không phải là giảng viên tham gia xây dựng bộ Đề cương chi tiết học phần.

Bước 7: Các Tổ rà soát tiếp nhận kết quả thẩm định của Hội đồng thẩm định và chỉnh sửa (nếu cần) và hoàn thiện Khung CTĐT và ma trận CĐR;

Bước 8: Trên cơ sở Khung CTĐT và ma trận CĐR cập nhật/điều chỉnh đã hoàn thiện, các tổ rà soát phối hợp với các Khoa chuyên môn thực hiện cập nhật/ điều chỉnh Đề cương chi tiết các học phần.

Điều 20. Tổ chức cập nhật/ điều chỉnh và xây dựng mới (đối với học phần mới) Đề cương chi tiết học phần

Căn cứ theo CTĐT điều chỉnh đã ban hành, Khoa chuyên môn thực hiện rà soát, cập nhật/điều chỉnh và xây dựng mới (đối với học phần mới) các Đề cương chi tiết học phần theo trình tự sau đây:

Bước 1: Lập kế hoạch và phân công chi tiết việc rà soát, cập nhật/ điều chỉnh và xây dựng mới các Đề cương chi tiết học phần phù hợp với Khung CTĐT và Ma trận CĐR cập nhật/ điều chỉnh đã được phê duyệt;

Bước 2: Tiến hành rà soát, cập nhật/điều chỉnh và xây dựng mới các Đề cương chi tiết học phần phù hợp với Khung CTĐT và Ma trận CĐR cập nhật/ điều chỉnh đã được phê duyệt;

Bước 3: Tổ chức thảo luận và đánh giá các nội dung cần cập nhật, chỉnh sửa ĐCCT cũ hoặc nội dung ĐCCT mới tại Khoa chuyên môn. Việc tổ chức thảo luận và đánh giá các đề xuất cần ghi nhận thành các biên bản;

Bước 4: Thành lập (các) Hội đồng thẩm định các Đề cương chi tiết học phần (bao gồm các giảng viên, chuyên gia và chuyên gia phát triển chương trình và đại diện nhà sử dụng lao động) để xem xét thẩm định các Đề cương chi tiết học phần chỉnh sửa; Hội đồng thẩm định Đề cương chi tiết không phải là thành viên tham gia xây dựng, chỉnh sửa các đề cương chi tiết học phần.

Bước 5: Tiếp nhận và hoàn thiện các Đề cương chi tiết học phần chỉnh sửa

Điều 21. Ban hành chương trình đào tạo cập nhật/ điều chỉnh

Sau khi đã hoàn thiện Khung CTĐT, ma trận CDR và bộ Đề cương chi tiết các học phần cập nhật/điều chỉnh, các Khoa chuyên môn bàn giao cho Phòng Đào tạo đại học / sau đại học để trình Giám đốc phê duyệt và ban hành.

Hồ sơ rà soát, đánh giá và cập nhật CTĐT và các Đề cương chi tiết học phần phải được tập hợp đầy đủ, lưu 01 bản tại Khoa chuyên môn và bàn giao 01 bản cho Phòng Đào tạo đại học/ Phòng Đào tạo sau đại học.

CHƯƠNG V TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 22. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

1. Phòng Đào tạo đại học/ sau đại học, Phòng Khảo thí và ĐBCL có trách nhiệm hướng dẫn các Khoa chuyên môn xây dựng, rà soát, cải tiến, thẩm định, ban hành CDR CTĐT cho các ngành và CTĐT cụ thể.

Các phòng chức năng trên cũng có trách nhiệm phối hợp với các Khoa chuyên môn xây dựng, thẩm định, ban hành và thực hiện CTĐT, công khai thông tin của tất cả các CTĐT trên cổng thông tin điện tử của Học viện theo Quy định này và các quy định pháp luật liên quan.

Đối với các các ngành, nhóm ngành hoặc lĩnh vực chưa ban hành chuẩn chương trình đào tạo, Học viện thực hiện quy định tại Chương II của Quy định này và tham khảo tiêu chuẩn nghề nghiệp trong nước và quốc tế cho ngành, nhóm ngành hoặc lĩnh vực tương ứng để xây dựng, rà soát, cải tiến, thẩm định và ban hành CTĐT.

Điều 23. Chế độ báo cáo và công khai thông tin về CTĐT

1. Hằng năm, Phòng Đào tạo đại học/ sau đại học phối hợp với Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng và các Khoa chuyên môn có trách nhiệm báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo theo các yêu cầu sau:

a. Thông tin chung về chương trình đào tạo bao gồm: tên chương trình đào tạo, địa điểm thực hiện chương trình đào tạo, yêu cầu tối thiểu để thực hiện chương trình đào tạo, tình trạng kiểm định chất lượng chương trình đào tạo;

b. Tác động đánh giá chương trình và đánh giá chuẩn đầu ra của các chương trình đào tạo đến cải tiến chất lượng của các chương trình đào tạo;

c. Nguồn lực thực hiện chương trình bao gồm: phân tích số lượng và phân bố giảng viên, giảng viên có trình độ chuyên môn liên quan đến ngành; ngân sách và nguồn kinh phí, cơ sở vật chất và thiết bị hỗ trợ đào tạo.

d. Báo cáo về chương trình đào tạo theo Quy định này thực hiện theo hình thức văn bản và cập nhật dữ liệu vào cơ sở dữ liệu quốc gia theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Phòng Đào tạo đại học/ sau đại học, Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng chịu trách nhiệm về thời gian báo cáo, tính chính xác và chất lượng báo cáo.

3. Phòng Đào tạo đại học/ sau đại học, Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng có trách nhiệm công khai thông tin trên cổng thông tin điện tử của Học viện theo các yêu cầu sau:

a. Thông tin chung về chương trình gồm chương trình áp dụng đối với khóa tuyển sinh cụ thể; hình thức, phương thức và thời gian đào tạo; các thông tin theo các yêu cầu của chuẩn chương trình đào tạo;

b. Kết quả đánh giá chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo, những cải tiến chương trình đào tạo đã thực hiện trong vòng 5 năm liền trước đó để nâng cao chất lượng đào tạo;

c. Tình trạng kiểm định của các chương trình đào tạo đang thực hiện tại Học viện.

Điều 24. Bổ sung, chỉnh sửa Quy định

1. Nếu phát hiện vấn đề phát sinh chưa được điều chỉnh theo Quy định này, các vướng mắc, bất cập trong quá trình thực hiện, các đơn vị liên quan báo cáo Giám đốc Học viện thông qua Ban Đào tạo. Ban Đào tạo tổng hợp các kiến nghị của các đơn vị, nghiên cứu, tham mưu Giám đốc Học viện quyết định việc bổ sung, chỉnh sửa Quy định.

2. Ban Đào tạo chịu trách nhiệm theo dõi, cập nhật các quy định mới của pháp luật, hướng dẫn thi hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo, chủ động báo cáo Giám đốc Học viện để bổ sung, chỉnh sửa Quy định này, bảo đảm sự phù hợp và tính tương thích của Quy định với quy định của pháp luật và hướng dẫn thi hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 25. Hiệu lực thi hành

1. Quy định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.
2. Việc mở các chương trình đào tạo mới và rà soát, cập nhật chương trình đào tạo các trình độ tại Học viện Ngoại giao phải thực hiện theo quy định này kể từ thời điểm Quy định có hiệu lực thi hành.
3. Đối với những vấn đề phát sinh ngoài Quy định này, Giám đốc Học viện quyết định phương án giải quyết./.

PHỤ LỤC 1
MẪU ĐỀ XUẤT MỞ NGÀNH

HỌC VIỆN NGOẠI GIAO
TÊN ĐƠN VỊ ĐỀ XUẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày tháng năm

ĐỀ XUẤT CHỦ TRƯỞNG MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

Tên ngành:; Mã số:
Trình độ đào tạo:.....

I. Sự cần thiết mở ngành đào tạo :

- Sự phù hợp với chiến lược phát triển của Học viện Ngoại giao
- Sự phù hợp về nhu cầu phát triển nguồn nhân lực của địa phương, vùng, quốc gia.

II. Tóm tắt điều kiện mở ngành đào tạo

- Năng lực của Khoa (đội ngũ giảng viên, cán bộ khoa học cơ hữu ngành đề nghị mở ngành đào tạo; giáo trình; hoạt động nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế);
- Điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị, thư viện
- Tóm tắt chương trình đào tạo và kế hoạch đào tạo (bao gồm cả đối tượng và điều kiện tuyển sinh, dự kiến tuyển sinh trong 3 năm đầu);
- Biên bản của Hội đồng khoa học đào tạo của Khoa thông qua đề án mở ngành đào tạo

III. Đề nghị và cam kết thực hiện

1. Đề nghị của Đơn vị đề xuất đối với việc mở ngành
3. Cam kết triển khai thực hiện việc mở ngành

TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên)

Nơi nhận:

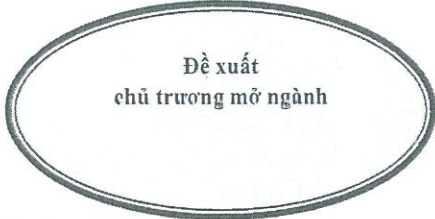
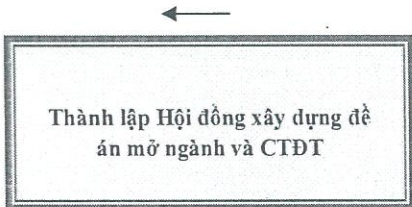
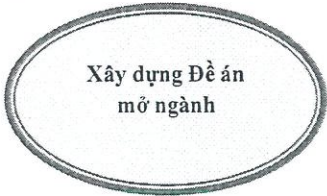
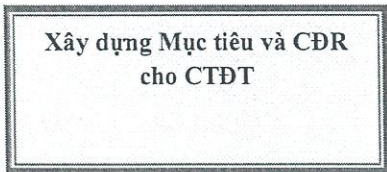
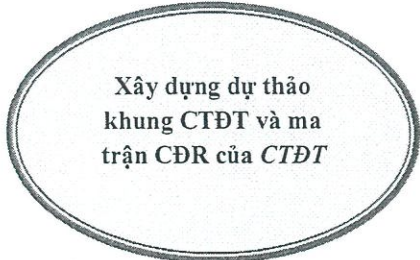
-

-

- Lưu:...

PHỤ LỤC 2

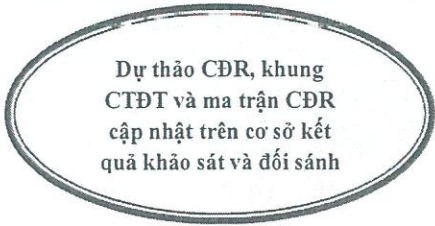

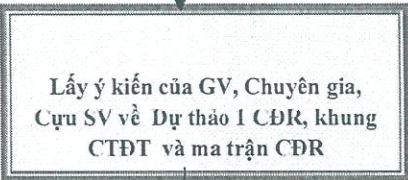


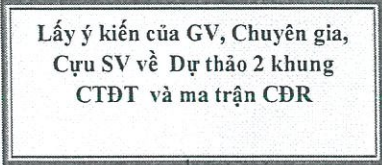

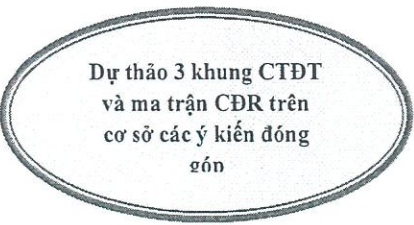
QUY TRÌNH MỞ NGÀNH, XÂY DỰNG, THẨM ĐỊNH VÀ BAN HÀNH CĐR VÀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO MỚI

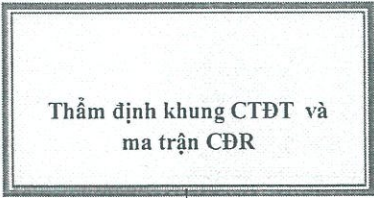
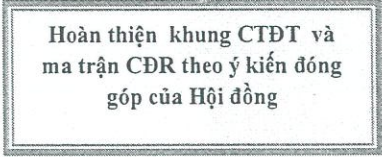
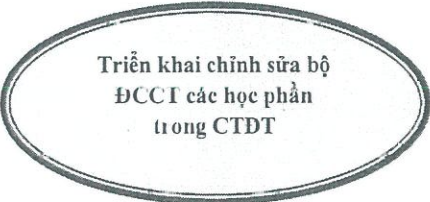
| TT | Lưu đồ | Đơn vị/ cá nhân chịu trách nhiệm thực hiện | Văn bản/Kết quả |
|----|--|--|--|
| 1 |  <p style="text-align: center;">Đề xuất chủ trương mở ngành</p> | <ul style="list-style-type: none"> - Khoa hoặc Phòng DTDII/ SDII | <ul style="list-style-type: none"> - Tờ trình và Đề xuất chủ trương mở ngành |
| 2 |  <p style="text-align: center;">Thành lập Hội đồng xây dựng đề án mở ngành và CTĐT</p> | <ul style="list-style-type: none"> - Giám đốc Học viện - Khoa liên quan - Phòng ĐTDH/SDH - Phòng KT&ĐBCL | <ul style="list-style-type: none"> - Quyết định thành lập Hội đồng |
| 3 |  <p style="text-align: center;">Xây dựng Đề án mở ngành</p> | <ul style="list-style-type: none"> - Các thành viên Hội đồng XD đề án mở ngành/ Khoa liên quan | <ul style="list-style-type: none"> - Đề án mở ngành - Hồ sơ kèm theo |
| 4 |  <p style="text-align: center;">Xây dựng Mục tiêu và CĐR cho CTĐT</p> | <ul style="list-style-type: none"> - Các thành viên Hội đồng và Khoa liên quan - GV, Chuyên gia, Cựu SV (góp ý) | <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu & CĐR của CTĐT mới |
| 5 |  <p style="text-align: center;">Xây dựng dự thảo khung CTĐT và ma trận CĐR của CTĐT</p> | <ul style="list-style-type: none"> - Các thành viên Hội đồng và Khoa liên quan | <ul style="list-style-type: none"> - Dự thảo 1 khung CTĐT và ma trận CĐR |

| | | | |
|----|--|--|--|
| 6 | <div style="border: 1px solid black; padding: 5px; text-align: center;"> <p>Khảo sát GV và chuyên gia về Dự thảo 1 khung CTĐT và ma trận CĐR & chỉnh sửa</p> </div> <p style="text-align: center;">←</p> | <ul style="list-style-type: none"> - Giảng viên Khoa - Giảng viên và chuyên gia có chuyên ngành liên quan - Các thành viên Hội đồng và Khoa liên quan | <ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo khảo sát/ Biên bản/ Tổng hợp ý kiến đóng góp của GV, chuyên gia - Dự thảo 2 CTĐT và ma trận CĐR |
| 7 | <div style="border: 1px solid black; padding: 5px; text-align: center;"> <p>Xây dựng CĐR cho các học phần trong CTĐT</p> </div> <p style="text-align: center;">←</p> | <p>Các thành viên Hội đồng và Khoa liên quan</p> | <ul style="list-style-type: none"> - Dự thảo CĐR các học phần |
| 8 | <div style="border: 1px solid black; border-radius: 50%; padding: 10px; text-align: center;"> <p>Lấy ý kiến của GV, Chuyên gia, Cựu SV về Dự thảo CTĐT, ma trận CĐR và CĐR của các học phần</p> </div> | <ul style="list-style-type: none"> - GV, Chuyên gia, Cựu SV - Hội đồng XD đề án mở ngành/ Khoa liên quan | <ul style="list-style-type: none"> - Biên bản/Tổng hợp ý kiến đóng góp của GV, Chuyên gia, Cựu sinh viên, - Dự thảo CTĐT, ma trận CĐR và CĐR các học phần điều chỉnh |
| 9 | <p style="text-align: center;">←</p> <div style="border: 1px solid black; padding: 5px; text-align: center;"> <p>Thẩm định Khung CTĐT, ma trận CĐR và CĐR các học phần</p> </div> <p style="text-align: center;">←</p> | <ul style="list-style-type: none"> - Hội đồng thẩm định khung CTĐT và CĐR các học phần; - Hội đồng XD đề án mở ngành/ Khoa liên quan | <ul style="list-style-type: none"> - Quyết định thành lập hội đồng - Biên bản thẩm định và phê duyệt khung CTĐT và CĐR các học phần - Báo cáo chỉnh sửa - Khung CTĐT, ma trận CĐR và CĐR các học phần được phê duyệt |
| 10 | <div style="border: 1px solid black; border-radius: 50%; padding: 10px; text-align: center;"> <p>Triển khai xây dựng ĐCCT các học phần trong CTĐT</p> </div> | <ul style="list-style-type: none"> - Hội đồng XD đề án mở ngành/ Khoa liên quan - GV, Chuyên gia, Cựu SV (góp ý) | <ul style="list-style-type: none"> - Quyết định phân công GV xây dựng ĐCCT học phần; - Biên bản/Tổng hợp ý kiến đóng góp của GV, Chuyên gia, Cựu sinh viên, - Dự thảo Bộ Đề cương chi tiết học phần |
| 11 | <p style="text-align: center;">←</p> <div style="border: 1px solid black; padding: 5px; text-align: center;"> <p>Thẩm định Bộ ĐCCT các học phần trong CTĐT</p> </div> | <ul style="list-style-type: none"> - Hội đồng thẩm định bộ ĐCCT các học phần; - Hội đồng XD đề án mở ngành/ Khoa liên quan | <ul style="list-style-type: none"> - Quyết định thành lập hội đồng - Biên bản thẩm định Bộ ĐCCT học phần - Báo cáo chỉnh sửa - Bộ ĐCCT hoàn thiện |

PHỤ LỤC 3

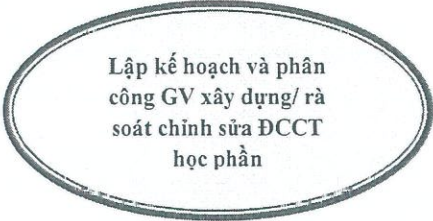
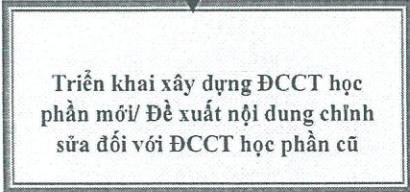

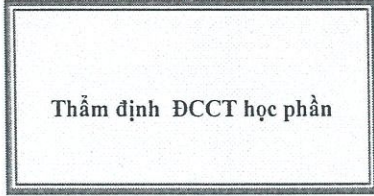
QUY TRÌNH rà SOÁT VÀ CẬP NHẬT CĐR VÀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

| TT | Lưu đồ | | Văn bản/Kết quả |
|----|--|---|---|
| 1 |  | - Khoa chuyên môn | - Dự thảo 1 khung CTĐT, CDR và ma trận CĐR điều chỉnh - Báo cáo khảo sát - Báo cáo đối sánh và bảng đối sánh CTĐT |
| 2 |   | - Khoa chuyên môn - GV, Chuyên gia, Cựu SV | - Biên bản/ Tổng hợp ý kiến GV, Chuyên gia, Cựu SV về dự thảo 1 khung CTĐT và CDR |
| 3 |  | - Khoa chuyên môn | - Dự thảo 2 CĐR, khung CTĐT và ma trận CĐR |
| 4 |   | - Khoa chuyên môn - GV, Chuyên gia, Cựu SV | - Biên bản/ Tổng hợp ý kiến GV, Chuyên gia, Cựu SV về dự thảo 1 khung CTĐT và CDR |
| 5 |   | - Khoa chuyên môn | - Dự thảo 3 khung CTĐT và CDR |

| | | | |
|---|---|--|---|
| 6 |  <p>Thẩm định khung CTĐT và ma trận CĐR</p> | <ul style="list-style-type: none"> - Hội đồng thẩm định | <ul style="list-style-type: none"> - Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định CĐR, Khung CTĐT và ma trận CĐR - Biên bản họp Hội đồng thẩm định |
| 7 |  <p>Hoàn thiện khung CTĐT và ma trận CĐR theo ý kiến đóng góp của Hội đồng</p> | <ul style="list-style-type: none"> - Khoa chuyên môn | <ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo chỉnh sửa theo đóng góp của các thành viên Hội đồng - CĐR, Khung CTĐT và ma trận CĐR hoàn thiện. |
| 8 |  <p>Triển khai chỉnh sửa bộ ĐCCT các học phần trong CTĐT</p> | <ul style="list-style-type: none"> Khoa chuyên môn | <ul style="list-style-type: none"> - ĐCCT các học phần được chỉnh sửa |

(*) Các bước 4 đến 8 chỉ thực hiện khi CĐR và khung CTĐT có sự thay đổi lớn

PHỤ LỤC 4
QUY TRÌNH XÂY DỰNG/ CHỈNH SỬA
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT CÁC HỌC PHẦN TRONG CTĐT

| TT | Lưu đồ | - | - Văn bản/Kết quả |
|----|--|--|--|
| 1 |  <p>Lập kế hoạch và phân công GV xây dựng/ rà soát chỉnh sửa ĐCCT học phần</p> | <ul style="list-style-type: none"> - Trưởng Khoa - Giám đốc Học viện | <ul style="list-style-type: none"> - Quyết định phân công GV xây dựng ĐCCT học phần mới/ chỉnh sửa cập nhật ĐCCT học phần cũ |
| 2 |  <p>Triển khai xây dựng ĐCCT học phần mới/ Đề xuất nội dung chỉnh sửa đối với ĐCCT học phần cũ</p> | <ul style="list-style-type: none"> - Khoa chuyên môn | <ul style="list-style-type: none"> - Dự thảo ĐCCT học phần mới/nội dung chỉnh sửa cập nhật ĐCCT học phần cũ |
| 3 |  <p>Tổ chức thảo luận về ĐCCT mới/nội dung chỉnh sửa cập nhật ĐCCT cũ</p> | <ul style="list-style-type: none"> - Khoa chuyên môn | <ul style="list-style-type: none"> - Biên bản họp thảo luận về ĐCCT học phần mới/nội dung chỉnh sửa cập nhật ĐCCT học phần cũ điều chỉnh - Dự thảo ĐCCT học phần mới/nội dung chỉnh sửa cập nhật ĐCCT học phần cũ điều chỉnh |
| 4 |  <p>Thẩm định ĐCCT học phần</p> | <ul style="list-style-type: none"> - Hội đồng thẩm định | <ul style="list-style-type: none"> - Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định ĐCCT học phần - Báo cáo chỉnh sửa (nếu cần) - ĐCCT học phần được thẩm định phê duyệt |

PHỤ LỤC 5
MẪU BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ CTĐT

HỌC VIỆN NGOẠI GIAO
KHOA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 20

BÁO CÁO
Đánh giá hiệu quả chương trình đào tạo hiện hành
năm 202....

I. Thông tin chung

Tên chương trình đào tạo đang thực hiện:

Trình độ đào tạo:

Số tín chỉ:

Thời gian bắt đầu áp dụng CTĐT

Khoa quản lý CTĐT:

II. Tóm tắt kết quả khảo sát các bên liên quan về CTĐT hiện hành:

III. Đánh giá hiệu quả CTĐT:

1. Hiệu quả của CTĐT trong việc thực hiện sứ mệnh, tầm nhìn và mục tiêu chiến lược của Học viện Ngoại giao
2. Hiệu quả của CTĐT hiện hành trong việc thực hiện các mục tiêu đào tạo đề ra:
3. Tính cập nhật của CTĐT hiện hành trong thị trường giáo dục:
4. Các vấn đề tồn tại khác của CTĐT hiện hành (nếu có):

IV. Đề xuất điều chỉnh/xây dựng mới CTĐT và kế hoạch thực hiện :

1. Đề xuất điều chỉnh/xây dựng mới CTĐT
2. Kế hoạch thực hiện:

PHỤ LỤC 6
MẪU BÁO CÁO KẾT QUẢ SO CHUẨN, ĐỐI SÁNH

HỌC VIỆN NGOẠI GIAO
KHOA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 20....

BÁO CÁO
Kết quả so chuẩn, đối sánh chương trình đào tạo
năm 202....

I. Thông tin chung

1. Chương trình đào tạo đang thực hiện:

Trình độ đào tạo:

Số tín chỉ:

Khoa quản lý CTĐT:

2. Chương trình đào tạo trong nước được lựa chọn để đối sánh:

Trình độ đào tạo:

Số tín chỉ:

Trường ĐH, Khoa thực hiện CTĐT:

3. Chương trình đào tạo quốc tế được lựa chọn để đối sánh:

Trình độ đào tạo:

Số tín chỉ:

Trường ĐH, Khoa thực hiện CTĐT:

II. Lý do lựa chọn các chương trình đào tạo làm đối tượng đối sánh

- Uy tín của các CTĐT được lựa chọn để đối sánh:

- Sự tương đồng giữa các CSGD:

- Sự tương đồng về mục tiêu đào tạo :

....

(Có thể bổ sung thêm các lý do khác nếu cần)

III. Tóm tắt kết quả so chuẩn đối sánh theo các tiêu chí:

1. Mục tiêu và Chuẩn đầu ra của CTĐT:

- Giống nhau:
- Độ lệch với các CTĐT được đối sánh:
- Lý do có sự khác nhau:
- Sự cần thiết/không cần thiết phải điều chỉnh CTĐT đang thực hiện

2. Nội dung và cấu trúc CTĐT:

2.1. Khối lượng học tập:

- Giống nhau:
- Độ lệch với các CTĐT được đối sánh:
- Lý do có sự khác nhau:

2.2. Phân bổ giữa các khối kiến thức trong CTĐT:

- Giống nhau:
- Độ lệch với các CTĐT được đối sánh:
- Lý do có sự khác nhau:

2.3. Các học phần được giảng dạy trong CTĐT:

- Giống nhau:
- Độ lệch với các CTĐT được đối sánh:
- Lý do có sự khác nhau:

2.4. Trình tự và sự liên kết giữa các học phần trong CTĐT:

- Giống nhau:
- Độ lệch với các CTĐT được đối sánh:
- Lý do có sự khác nhau:

2.5. Kết quả đào tạo (nếu có dữ liệu):

- Số lượng SV đạt CĐR
- Đánh giá của nhà tuyển dụng về SVTN

2.6. Nhận xét chung:

- Tính ưu việt/không ưu việt của CTĐT đang thực hiện so với các CTĐT được đối sánh,
- Sự cần thiết/không cần thiết phải điều chỉnh

3. Đội ngũ giảng viên và cơ sở vật chất (nếu có dữ liệu)

- Số lượng/ chất lượng
- Đánh giá tác động đối với chất lượng đào tạo
-
- *(Có thể bổ sung thêm các nội dung khác nếu cần)*

IV. Kết luận và đề xuất:

BẢNG ĐỐI SÁNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO (*)

Ngành: Mã ngành:
 Trình độ đào tạo:
 Khoa quản lý CTĐT:

| STT | Chương trình đào tạo đang thực hiện | | | | CTĐT đối sánh (trong nước) Trường ĐH X | | | CTĐT đối sánh (quốc tế) Trường ĐHY | | | |
|-----|---|------------|---------|------------------------|---|------------|------------------------|---|------------|------------------------|-------|
| | Tên học phần (liệt kê tất cả các học phần trong CTĐT) | Số tín chỉ | Khối KT | Bắt buộc B/ lựa chọn C | Tên học phần (liệt kê tất cả các học phần trong CTĐT) | Số tín chỉ | Bắt buộc B/ lựa chọn C | Tên học phần (liệt kê tất cả các học phần trong CTĐT) | Số tín chỉ | Bắt buộc B/ lựa chọn C | Tỷ lệ |
| | HK | | | | | | | | | | |
| | Khối kiến thức đại cương | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | |

(*) Bảng đối sánh CTĐT là phụ lục gắn với báo cáo đối sánh CTĐT

PHỤ LỤC 7
MẪU BÁO CÁO KHẢO SÁT KHUNG CTĐT

HỌC VIỆN NGOẠI GIAO
KHOA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 20....

BÁO CÁO
Kết quả khảo sát về dự thảo ... (1, ?) Khung CTĐT
năm 202....

I. Thông tin chung

Tên Chương trình đào tạo được khảo sát:

Trình độ đào tạo:

Số tín chỉ đề xuất cho Khung CTĐT mới :

Khoa quản lý CTĐT:

II. Kết quả khảo sát các bên liên quan về dự thảo CTĐT:

1. Đánh giá về các CDR của CTĐT:

- *Hướng dẫn : Căn cứ theo kết quả khảo sát đã thu về từ các câu hỏi khảo sát về mức độ phù hợp, tầm quan trọng, mức độ sinh viên hiện đạt được và mức độ sinh viên nên đạt được để đưa ra các đánh giá*
- *VD: các chuẩn đầu ra đề xuất có phù hợp với CTĐT không? So với trình độ/năng lực của sinh viên hiện nay có phù hợp không? So với yêu cầu của nhà tuyển dụng? So với các CTĐT khác tương tự; các nội dung cần chỉnh sửa, các lưu ý, đề xuất thu được sau khảo sát*

2. Đánh giá về cấu trúc CTĐT:

- *Khối lượng học tập của CTĐT (đã được xác định phù hợp với Khung trình độ quốc gia, với các quy định hiện hành về CTĐT, đảm bảo thực hiện mục tiêu và CDR của CTĐT, với năng lực học tập của người học, phù hợp với yêu cầu cân đối tài chính của nhà trường)*
- *Về các khối kiến thức:*

- + Sự phù hợp của các khối kiến thức
- + Sự phân bố khối lượng học tập giữa các khối kiến thức
- **Trình tự sắp xếp các học phần** (có khoa học và logic)
- **Khối lượng học tập của từng học phần** (được xác định hợp lý hay chưa hợp lý)
- **Mức độ đóng góp của các học phần cho việc đạt được CĐR của CTĐT** (được xác định hợp lý hay chưa hợp lý)
- **Số lượng học phần tự chọn, các học phần chuyên sâu** (đã phù hợp? có cho phép sinh viên được lựa chọn và có được định hướng chuyên sâu không?)

3. Đánh giá về nội dung CTĐT:

- **Tính phù hợp của các học phần đề xuất** (phù hợp với ngành đào tạo, so sánh với các CTĐT khác đảm bảo thực hiện mục tiêu và CĐR của CTĐT, cho phép thể hiện bản sắc riêng của HVNG, phù hợp với năng lực giảng dạy của giảng viên Học viện, ...)
- **Sự gắn kết giữa các học phần trong CTĐT** (các học phần có tính hỗ trợ cho nhau, cùng hướng đến việc thực hiện mục tiêu và CĐR của CTĐT)
- **Nội dung mô tả của các học phần** (phù hợp với tên gọi của học phần? có đảm bảo cung cấp các kiến thức cần thiết?)

4. Ma trận đóng góp của các học phần vào CĐR của CTĐT

- Việc xác định các học phần vào việc đạt được từng CĐR của CTĐT đã được xác định hợp lý, logic;
- Mức độ đóng góp đã được xác định phù hợp

III. Đề xuất chỉnh sửa dự thảo Khung CTĐT :

- Mục tiêu và CĐR của CTĐT:
- Khối lượng học tập của CTĐT:
- Phân bố khối lượng học tập giữa các khối kiến thức:
- Phân bố khối lượng học tập giữa các học phần:
- Các học phần đề xuất
- Ma trận đóng góp vào CĐR ra của CTĐT:
- ...

PHỤ LỤC 8
MẪU BÁO CÁO KHẢO SÁT KHUNG CTĐT

HỌC VIỆN NGOẠI GIAO
KHOA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 20....

BÁO CÁO

Kết quả khảo sát về dự thảo ... (1, 2) CTĐT
năm 202....

I. Thông tin chung

Tên Chương trình đào tạo được khảo sát:

Trình độ đào tạo:

Số tín chỉ:

Khoa quản lý CTĐT:

II. Kết quả khảo sát các bên liên quan về dự thảo CTĐT:

1. Đánh giá về ma trận CDR:

- *Việc xác định mức độ đóng góp của các học phần cho việc thực hiện CDR của CTĐT đã phù hợp*
- *CDR của các học phần có bị chồng chéo?*

2. Đánh giá về CDR của các học phần:

- *Sự phù hợp của CDR của từng học phần so với CDR của CTĐT*
- *Sự phù hợp của CDR của từng học phần so với năng lực của sinh viên*

3. Đánh giá về nội dung của các học phần trong CTĐT

- *Nội dung học phần phù hợp với tên gọi của học phần*
- *Kiến thức được giảng dạy trong từng học phần*
- *Kế hoạch giảng dạy và hoạt động dạy học đề xuất*
- *Phân bổ giữa khối lượng kiến thức và thực hành*
- *Hình thức kiểm tra đánh giá cho phép đánh giá được mức độ đạt được CDR của học phần*
- *Hình thức kiểm tra đánh giá của các học phần cho phép đánh giá được tất cả các CDR của chương trình đào tạo*
- *Tài liệu tham khảo đề xuất*

III. Đề xuất chỉnh sửa dự thảo CTĐT :

Điều chỉnh CDR

Điều chỉnh tên gọi học phần

Điều chỉnh nội dung kiến thức của các học phần
Điều chỉnh hình thức kiểm tra đánh giá

....

PHỤ LỤC 9
MẪU BẢN MÔ TẢ CTĐT

HỌC VIỆN NGOẠI GIAO
KHOA

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC/THẠC SĨ/TIẾN SĨ
NGÀNH

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Tên chương trình đào tạo bằng tiếng Việt

Tên chương trình đào tạo bằng tiếng Anh

Mã ngành:

Trình độ đào tạo: Đại học/Thạc sĩ/ Tiến sĩ

Loại hình đào tạo: Chính quy

2. Tên văn bằng:

3. Cơ sở đào tạo và cấp bằng: Học viện Ngoại giao

4. Đơn vị tổ chức giảng dạy: Khoa

5. Điều kiện tuyển sinh:

Theo Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Đề án tuyển sinh của Học viện Ngoại giao

6. Thời gian đào tạo: năm

7. Điều kiện tốt nghiệp:

- Tích lũy đủ số học phần và số tín chỉ quy định của ngành đào tạo;
- Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khoá học phải đạt từ 2.00 trở lên;
- Đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về chuẩn đầu ra của CTĐT;
- Hoàn thành các nghĩa vụ học phí, hoàn trả sách, tài liệu và tích lũy đủ điểm hoạt động cộng đồng theo quy định của Học viện;
- Không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật đình chỉ học tập trở lên

8. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp:

9. Cơ hội học tập ở các CTĐT tương đương hoặc bậc cao hơn:

10. Chương trình đào tạo được đối sánh:

II. MỤC TIÊU CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO:

1. Mục tiêu chung:

...

2. Mục tiêu riêng của ngành đào tạo:

Chương trình đào tạo cử nhân/thạc sĩ/tiến sĩ ngành trang bị cho người học các kiến thức, kỹ năng và mức độ tự chủ và trách nhiệm sau đây:

- (G1):

-

III. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO:

1. Chuẩn đầu ra

Sau khi hoàn thành chương trình đào tạo cử nhân/thạc sĩ/tiến sĩ ngành, người học đạt được các chuẩn đầu ra sau đây:

| | Mã CĐR | Nội dung CĐR | Trình độ năng lực |
|---------------------------|--------|---------------------|-------------------|
| Kiến thức | PLO 1 | Diễn giải được | 2/6 |
| | PLO 2 | Vận dụng được..... | 3/6 |
| | | | |
| Kỹ năng | | | 3/5 |
| | ... | | |
| Mức tự chủ và trách nhiệm | | | |
| | ... | | |

2. Quan hệ giữa chuẩn đầu ra của CTĐT và các mục tiêu của CTĐT

| Mục tiêu cụ thể của CTĐT | G1 | G2 | G3 | G4 | ... |
|--|----|----|----|----|-----|
| CĐR của CTĐT Người học có khả năng: | | | | | |
| PLO1: | X | X | | | |

| | | | | | |
|-------|---|---|---|---|--|
| PLO2: | | X | X | | |
| PLO3: | X | | X | X | |
| ... | | | | | |

IV. CẤU TRÚC VÀ NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Cấu trúc của chương trình đào tạo và khối lượng học tập :

| ST T | Khối kiến thức | Số tín chỉ | Số tín chỉ bắt buộc | Số tín chỉ tự chọn |
|---------|--|---------------|------------------------|-----------------------|
| 1 | Khối kiến thức giáo dục đại cương | | | |
| 2 | Khối kiến thức ngoại ngữ | 24 | 15 | 9 |
| 3 | Khối kiến thức bổ trợ | | | |
| 4 | Khối kiến thức chuyên nghiệp (cơ sở ngành và chuyên ngành) | | | |
| 5 | Thực tập và tốt nghiệp | | | |
| | Tổng | | | |

2. Nội dung của chương trình đào tạo

2.1. Khối kiến thức giáo dục đại cương: ... tín chỉ

| ST T | Tên học phần | Mã học phần | Số tín chỉ | Ngôn ngữ |
|---------|--------------|----------------|---------------|----------|
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |

2.2. Khối kiến thức ngoại ngữ: tín chỉ

| ST T | Tên học phần | Mã học phần | Số tín chỉ | Ngôn ngữ |
|---------|--------------|----------------|---------------|----------|
| 1 | | | | |
| 2 | | | | |
| 3 | | | | |
| 4 | | | | |

2.3. Khối kiến thức bổ trợ: ... tín chỉ

Sinh viên chọn học phần trong tổ hợp sau:

| ST T | Tên học phần | Mã học phần | Số tín chỉ | Ngôn ngữ |
|---------|---|----------------|---------------|----------|
| 1 | Công tác ngoại giao | | 03 | |
| 2 | Lịch sử quan hệ quốc tế hiện đại | | 03 | |
| 3 | Chính sách đối ngoại Việt Nam từ 1975 đến nay | | 03 | |
| 4 | Công pháp quốc tế | | 03 | |
| 5 | Luật hiến pháp Việt Nam và các nước | | 03 | |
| 6 | Truyền thông quốc tế | | 03 | |
| 7 | Ngoại giao văn hoá | | 03 | |
| 8 | Quan hệ kinh tế quốc tế | | 03 | |
| 9 | Kinh tế đối ngoại | | 03 | |

2.4. Khối kiến thức chuyên nghiệp: ... tín chỉ

| ST T | Tên học phần | Mã học phần | Số tín chỉ | Ngôn ngữ |
|---|--------------|----------------|---------------|----------|
| a. Kiến thức cơ sở ngành: tín chỉ | | | | |
| 1 | | | | |

| | | | | |
|--|--|--|--|--|
| 2 | | | | |
| 5 | | | | |
| b. Kiến thức chuyên ngành: tín chỉ | | | | |
| Bắt buộc | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| Tự chọn | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |

2.5. Thực tập và tốt nghiệp: ... tín chỉ

| ST T | Tên học phần | Mã học phần | Số tín chỉ | Ngôn ngữ |
|--|----------------------|----------------|---------------|----------|
| 1 | Hướng nghiệp | | | |
| 2 | Thực tập | | | |
| Tuỳ theo kết quả học tập, năng lực của sinh viên và điều kiện về giảng viên hướng dẫn, người học làm khoá luận tốt nghiệp hoặc học các học phần sau đây: | | | | |
| 3 | Khoá luận tốt nghiệp | | | |
| 4 | | | | |
| | | | | |

3. Kế hoạch giảng dạy dự kiến:

| | Tên học phần | Số TC | Khối KT | Loại học phần | | Điều kiện học phần | |
|-----------------|--------------|----------|------------|------------------|------------|--------------------|-----------|
| | | | | Bắt buộc | Tự chọn | Tiên quyết | Song hành |
| Học kỳ I | | | | | | | |

| | | | | | | | |
|---|------------------------------|---|------|---|--|------------------|--|
| 1 | Triết học Mác Lê Nin | 3 | GDĐC | x | | | |
| 2 | Kinh tế chính trị Mác Lê Nin | 2 | GDĐC | x | | Triết học MLN | |
| | | | | | | | |

4. Ma trận đóng góp của các học phần vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

| ST T | Tên học phần | PLO 1 | PLO 2 | PLO 3 | PLO 4 | PLO 5 | PLO 6 | ... | ... |
|---------|-------------------------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|-----|-----|
| 1 | Triết học Mác Lê Nin | 3 | 3 | 3 | - | - | - | | |
| | | | | | | | | | |

V. MÔ TẢ TÓM TẮT CÁC HỌC PHẦN

VI. PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY VÀ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP

1. Phương pháp, hình thức tổ chức giảng dạy và học tập

| Phương pháp, hình thức tổ chức | Mục đích/ nội dung | Tỉ lệ |
|--|--------------------|-------|
| 1.1. Giảng dạy (Phương pháp giảng dạy theo CĐR thuyết giảng, thảo luận nhóm, thuyết trình, nghiên cứu tình huống, mô phỏng, học tập trải nghiệm, làm dự án, nghiên cứu khoa học, ...) | | |
| Thuyết giảng | | |
| | | |
| | | |
| 1.2. Học tập | | |
| Học trên lớp | | |
| Tự học | | |

| | | |
|-------------------------------------|--|--|
| Học nhóm | | |
| Thuyết trình | | |
| Tham gia nghiên cứu/ tham gia dự án | | |
| Kiến tập, thực tập | | |

2. Phương pháp đánh giá kết quả học tập:

2.1. Quy định về đánh giá :

- *Đánh giá học phần:*
- *Đánh giá kết quả học tập:*
- *Thang điểm:*

2.2. Phương pháp kiểm tra đánh giá theo CDR:

VII. ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN VÀ NHÂN LỰC HỖ TRỢ

Danh sách giảng viên cơ hữu của CTĐT

| STT | Họ và tên GV | Học vị | Học hàm | Email/Tel | Khoa | Học phần tham gia giảng dạy |
|-----|--------------|--------|---------|-----------|------|-----------------------------|
| | | | | | | |

Danh sách giảng viên thỉnh giảng tham gia giảng dạy CTĐT

| STT | Họ và tên GV | Học vị | Học hàm | Email/Tel | Khoa | Học phần tham gia giảng dạy |
|-----|--------------|--------|---------|-----------|------|-----------------------------|
| | | | | | | |

Danh sách nhân lực hỗ trợ CTĐT

| STT | Họ và tên | Trình độ | Email/Tel | Đơn vị | Học phần tham gia hỗ trợ |
|-----|-----------|----------|-----------|--------|--------------------------------|
| | | | | | |

VIII. CƠ SỞ VẬT CHẤT VÀ HỌC LIỆU

1. Cơ sở vật chất:

- Phòng học và trang thiết bị:
- Phòng thực hành/thí nghiệm kèm theo trang thiết bị:

2. Học liệu

- Thư viện Trường và thư viện khoa (phòng đọc, tự học, trang thiết bị, ...)
- Thống kê sách giáo trình, tài liệu tham khảo, học liệu điện tử

PHỤ LỤC 10
MẪU ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

HỌC VIỆN NGOẠI GIAO
KHOA.....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
<TÊN MÔN>

(Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành <>, ban hành kèm QĐ số <>)

1. THÔNG TIN CHUNG

- 1.1. Tên học phần:** <Tên tiếng Việt>
<Tên tiếng Anh>
- 1.2. Mã học phần:** <>
- 1.3. Số tín chỉ:** <>
- 1.4. Loại học phần :** <bắt buộc/tự chọn>
- 1.5. Thời gian dự kiến giảng dạy:** <Học kỳ .../năm thứ>
- 1.6. Học phần/điều kiện tiên quyết hoặc học phần phải dạy song hành¹:** <>
- 1.7. Khoa phụ trách:** <Khoa>
- 1.8. Giảng viên phụ trách học phần²:**

| STT | Tên giảng viên (học hàm, học vị) | Email | Điện thoại | Đơn vị công tác |
|-----|----------------------------------|-------|------------|-----------------|
| 1 | PGS.TS Nguyễn Văn A | | | |
| | | | | |

1.9. Giảng viên giảng dạy³:

| STT | Tên giảng viên (học hàm, học vị) | Email | Điện thoại | Đơn vị công tác |
|-----|----------------------------------|-------|------------|-----------------|
| 1 | PGS.TS Nguyễn Văn A | | | |
| | | | | |

¹ Đối với trường hợp có học phần tiên quyết: Xoá các yếu tố “điều kiện và song hành”, chỉ giữ “Học phần tiên quyết : điền tên học phần tiên quyết”. Đối với trường hợp có điều kiện tiên quyết thì xoá 2 yếu tố còn lại và điền điều kiện như trình độ/kiến thức sinh viên phải có trước khi học học phần này. VD đối với một số học phần NN: phải đạt được trình độ B2; Đối với điều kiện học phần dạy song hành thì ghi rõ: Học phần dạy song hành: <điền tên học phần dạy song hành>

² Phải có ít nhất 1 người là GV/cán bộ cơ hữu của Học viện

³ Giảng viên giảng dạy gồm giảng viên phụ trách HP + giảng viên khác tham gia giảng dạy

1.10. Trợ giảng, cố vấn học tập (nếu có)

1.11. Ngôn ngữ giảng dạy:

2. THÔNG TIN MÔN HỌC

2.1. Mục tiêu của học phần ⁴:

Học phần này nhằm trang bị cho sinh viên ⁵

2.2. Chuẩn đầu ra (CĐR) của học phần :

| Mục tiêu học phần | Chuẩn đầu ra | Mô tả chuẩn đầu ra ⁶ | Trình độ năng lực |
|---------------------------|--------------|---------------------------------|-------------------|
| Kiến thức | CLO 1.1 | | |
| | CLO 1.2 | | |
| Kỹ năng | CLO 2.1 | | |
| | CLO 2.2 | | |
| Mức tự chủ và trách nhiệm | CLO 3.1 | | |
| | CLO 3.2 | | |

Ghi chú: Điểm mức độ yêu cầu theo thang năng lực Bloom: Kiến thức (1-6), Dave: kỹ năng (1-5), Krathwohl: Đạo đức và trách nhiệm (1-5)

⁴ Mô tả mục tiêu học phần: Mô tả ngắn gọn, có thể viết theo hướng các nội dung giảng dạy trong quá trình đào tạo hoặc những nội dung mà mong muốn sinh viên có thể nắm bắt sau quá trình học học phần, không nhất thiết có thể đo lường được. Mục tiêu thường bắt đầu bằng: “ Học phần này nhằm trang bị cho sinh viên” Tối đa 5 mục tiêu.

⁵ Mô tả mục tiêu ngắn gọn, có thể được viết theo hướng các nội dung giảng dạy trong học phần hoặc những nội dung mà GV mong muốn sinh viên thu nạp được sau quá trình đào tạo, không nhất thiết có thể đo lường được. Tối đa nên để 5 mục tiêu cho mỗi học phần, có thể phân ra thành các mục kiến thức, kỹ năng và mức độ tự chủ và trách nhiệm, nhg cần hết sức lưu ý ko nên đi vào quá chi tiết dẫn đến bị trùng với phát biểu của CĐR

⁶ CĐR phải phù hợp với mục tiêu học phần, cụ thể hoá mục tiêu và phải đóng góp, hỗ trợ CĐR của CTĐT, tương thích với bảng mô tả CTĐT. CĐR giúp làm rõ cả cách để đánh giá người học trong khoá học và cách tổ chức khoá học đó. Một CĐR hiệu quả cần lấy người học làm trung tâm, có thể đo lường, ngắn gọn và rõ ràng, có ý nghĩa, phản ánh năng lực của người học. Ví dụ: Sau khi học xong học phần, sinh viên có thể : ... Nên sử dụng các động từ sau để đo lường được mức độ nhận thức của sinh viên theo thang Bloom

Tham khảo thêm:

<https://cte.vnu.edu.vn/cach-viet-chuan-dau-ra/>

<https://learnenglishonline.com.vn/blog/huong-dan-lap-muc-tieu-hoc-tap-hieu-qua-bang-cach-su-dung-thang-do-nhan-thuc-cua-bloom>

2.3. Ma trận đóng góp của học phần vào việc đạt được CĐR của Chương trình đào tạo^{7 8}

| CĐR của học phần | CĐR của CTĐT | | | | | | |
|------------------|--------------|------|------|------|------|------|------|
| | PLO1 | PLO2 | PLO3 | PLO5 | PLO6 | PLO7 | |
| CLO 1.1 | | | I | | | | |
| CLO 1.2 | | | | | | | |
| CLO 2.1 | | | | | | | |

3. NỘI DUNG HỌC PHẦN VÀ KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY

| Buổi ⁹ | Nội dung | Phân bổ thời gian | | Hoạt động dạy và học ¹⁰ (Thuyết giảng (L), Thảo luận (D), Semina (S), ...) và nội dung áp dụng hình thức | Đóng góp vào CLO ¹¹ |
|-------------------|----------|-------------------|--------|---|--------------------------------|
| | | Trên lớp | Tự học | | |
| 1 | Chương I | 3 | 3 | Thuyết giảng: - Nội dung 1 - Nội dung 2 - | CLO1 |

⁷ Tuân thủ theo đúng Bảng mô tả CTĐT, đánh dấu “X” cho CLO có đóng góp hỗ trợ cho CĐR của CTĐT: ví dụ CĐR về kiến thức số 1 (CLO1.1) đóng góp cho CĐR về kiến thức 1 của CTĐT thì đánh dấu “x” vào ô số 1

⁸ Riêng đối với các học phần Ngoại ngữ : Giảng viên phụ trách học phần cần nhiều ma trận tương ứng với các CTĐT mà ngoại ngữ được giảng dạy (VD QHQT, TTQT, LQT, KTQT, ...). Cách trình bày: 2.3.1. Đối với CTĐT QHQT; 2.3.2. Đối với CTĐT TTQT;

⁹ GV chọn 2 phương án: (1) Ghi chung các buổi giảng 1 chương, ví dụ Chương 1 dạy trong 2 buổi (2 và 3) thì ghi 2+3 ở cột buổi và tên chương I ở cột nội dung (như phương án của mẫu đề cương) ; hoặc (2) Ghi từng buổi: ví dụ chương I dạy trong 2 buổi 2 và 3 thì ghi: 2 ở cột buổi, chương I + giới hạn nội dung chương I ở cột nội dung, tương tự buổi 3 cũng ghi 3 ở cột buổi, chương I + giới hạn nội dung chương I ở cột nội dung

¹⁰ GV nêu hình thức giảng dạy áp dụng cho buổi học và nội dung bài học áp dụng hình thức giảng dạy đó (có thể **bổ sung thêm hình thức** nếu cần, viết tắt bằng chữ cái đầu tiên của tên hình thức bằng tiếng Anh, ví dụ Thuyết giảng.

¹¹ Liệt kê các CĐR (CLO1.1, CLO1.2,) mà nội dung giảng dạy của buổi học đóng góp cho việc đạt được chuẩn đầu ra của học phần

| | | | | | |
|--|--|--|--|------------------------------|--|
| | | | | Thảo luận :Câu hỏi thảo luận | |
| | | | | Bài tập: Bài tập cuối chương | |

4. HỌC LIỆU

2.1. Tài liệu bắt buộc:

- 1.
- 2.

2.2. Tài liệu tham khảo¹²:

- 3.
- 4.

5. CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI HỌC PHẦN VÀ CÁC YÊU CẦU ĐỐI VỚI SINH VIÊN¹³

- Dự lớp đầy đủ, đảm bảo tối thiểu **80%** các buổi học trên lớp, ra vào lớp đúng giờ quy định;
- Hoàn thành các nội dung tự học được giao cho cá nhân và nhóm (nghiên cứu tài liệu và chuẩn bị cho mỗi buổi học trước khi dự lớp; hoàn thành các bài tập, chuẩn bị các nội dung thảo luận, thuyết trình, ...);
- Hoàn thành bài kiểm tra/bài thuyết trình/tiểu luận giữa kỳ. Sinh viên vắng mặt không có lý do trong buổi kiểm tra giữa kỳ/không hoàn thành bài thuyết trình/tiểu luận giữa kỳ nhận điểm 0;
- Các bài kiểm tra/thuyết trình/tiểu luận phải nộp đúng thời gian quy định, đáp ứng đúng yêu cầu về nội dung và hình thức;

¹² Lưu ý format liệt kê học liệu cho thống nhất (Tên tác giả (năm xb), tên sách, chương (nếu có), nhà xuất bản). GV cần nhắc chọn tài liệu tham khảo thực sự cần thiết cho sinh viên, nên xem xét tài liệu cập nhật. Nếu ngoài sách, còn có các loại ấn phẩm khác thì sắp xếp theo trật tự: sách, bài báo/tạp chí, bài hội thảo, hội nghị, đề tài khoa học, luận văn, luận án, website.

¹³ Ghi rõ yêu cầu về nhiệm vụ của sinh viên (tự học, nghiên cứu tài liệu, chuẩn bị bài cho mỗi buổi học trước khi dự lớp, hoàn thành tập được giao, chuẩn bị nội dung thảo luận ...) về học vụ, thi cử (chuyên cần, làm bài giữa kỳ, tham gia thi hết học phần ...)

- Kết quả đánh giá quá trình học tập của học phần (trừ điểm thi kết thúc học phần) được công bố cho sinh viên muộn nhất 1 tuần sau buổi học cuối cùng.

6. PHƯƠNG THỨC, HÌNH THỨC ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

| Hình thức đánh giá ¹⁴ | Nội dung đánh giá ¹⁵ | Thời điểm đánh giá | CĐR học phần ¹⁶ | Tiêu chí đánh giá ¹⁷ | Tỷ lệ (%) |
|---|---------------------------------|------------------------------|----------------------------|---|-----------|
| Bài tập | Nội dung 1, 2, 4 | Trong quá trình học trên lớp | CLO1 | - Nội dung - Bố cục - | |
| Đánh giá chuyên cần và tham gia phát biểu | Thái độ học tập | Trong quá trình học trên lớp | CLO6 | -Số buổi tham dự lớp -Số lần tham gia phát biểu -Chất lượng phát biểu | |
| Thuyết trình | Nội dung 3, 5 | Giữa kỳ | CLO3, CLO4 | - Nội dung: - Bố cục - Trình bày - Trả lời câu hỏi | |
| Viết | Nội dung 6,7,8 | Cuối kỳ | CLO2, CLO5 | - Nội dung | |

Hà Nội, ngày tháng năm

Trưởng Ban Đào tạo

(ký)

<Họ tên>

Trưởng Khoa

(ký)

<Họ tên>



¹⁴ GV có thể thay đổi tùy theo hình thức đánh giá áp dụng; Cần thể hiện được : Đánh giá quá trình (chuyên cần, bài tập nhóm, ...), đánh giá giữa kỳ (kiểm tra, thuyết trình, tiểu luận); đánh giá hết học phần (Vấn đáp, trắc nghiệm, tiểu luận)

¹⁵ Ghi rõ các nội dung kiến thức, kỹ năng hay mức tự chủ và trách nhiệm cần đánh giá

¹⁶ Ghi rõ hình thức kiểm tra cho phép đánh giá được CĐR nào (CLO1.1, 1.2, ...). Lưu ý một hình thức kiểm tra đánh giá không thể đánh giá được tất cả CĐR. Ngoài ra cần đảm bảo bài kiểm tra thực sự cho phép đánh giá được CĐR đã xác định, tránh tình trạng khi đoàn ĐGN yêu cầu đối chiếu bài kiểm tra với CĐR được nêu trong Đề cương chi tiết lại không khớp nhau.

¹⁷ GV tự đề xuất tiêu chí đánh giá như: nội dung, hình thức, tính sáng tạo/độc đáo, ...